TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 370/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/6/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Công Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đức Nhì

2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thư Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 31/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc: "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Giang Ngọc T; Sinh năm 1985; Thường trú: 551/34G/17 PVC, Phường G, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: 165A Nguyễn Trãi, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Bị đơn: Ông Hồ Ngọc H; Sinh năm 1980; Thường trú: 551/34G/17 PVC, Phường G, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 11/01/2023, bản tự khai ngày 22/02/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Giang Ngọc T trình bày:

Bà và ông Hồ Ngọc H tự nguyện tìm hiểu, sau đó tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 6, Thành Hồ Chí Minh (theo giấy Chứng nhận kết hôn số 83, quyển số 01/2008 ngày 09/6/2008).

Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống bên gia đình chồng tại địa chỉ 551/34G/17 PVC, Phường G, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên do thời gian tìm hiểu ngắn nên sau khi về chung sống, vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông H không lo làm ăn cũng không chăm lo cho gia đình nên vợ

chồng thường xuyên cãi vả, cả hai đều không tìm được tiếng nói chung. Ông H thường xuyên bỏ đi đâu đó rồi trở về mà không thông báo cho bà biết, mặc dù đã được bà và gia đình khuyên bảo rất nhiều nhưng ông H vẫn không thay đổi. Năm 2019 ông H bỏ nhà đi đâu không rõ, một mình bà lo cho con chung (có sự hỗ trợ của ông bà nội), đến năm 2022 ông H mới quay trở về. Do vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm không còn nên cũng không thể hàn gắn được nữa. Tháng 8 năm 2022 bà T dọn hẳn về nhà mẹ đẻ để ở, từ đó đến nay bà không còn liên lạc với ông H nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Thanh yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hồ Ngọc H để trả tự do cho nhau và ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà T xác nhận vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung, tên là Hồ Ngọc Hoàng Th, sinh ngày 23/10/2009. Hiện nay, con chung đang sống cùng ba và ông bà nội và ông bà nội là người lo cho con hàng ngày, đưa đón con đi học, chăm sóc cho con. Do vậy để ổn định cuộc sống của con chung, bà T đề nghị để cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông H sẽ tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác nhận không có.

Bị đơn ông Hồ Ngọc H có đơn xin vắng mặt nhưng có trình bày trong bản tự khai ngày 08/5/2023 như sau:

Ông và bà T có đăng ký kết hôn tự nguyện, sau khi kết hôn cả hai vợ chồng sinh sống tại nhà của cha mẹ ông tại địa chỉ 551/34G/17 PVC, Phường G, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì chỉ có những cải vả thông thường. Tuy nhiên, theo thời gian thì vợ chồng không còn tình cảm nữa và cũng không còn sống chung nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà Giang Ngọc T được ly hôn.

Về con chung: Ông H xác nhận vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung, tên là Hồ Ngọc Hoàng Th, sinh ngày 23/10/2009. Hiện nay, con chung đang sống cùng ông H. Để để ổn định cuộc sống của con chung, ông H đề nghị để cho ông trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H xác nhận không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử; người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Giang Ngọc T và ông Hồ Ngọc H có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn mà

chủ yếu là do ông H ăn chơi, không lo làm ăn và không quan tâm đến gia đình, do đó tình cảm giữa bà T và ông H đã không còn. Bản thân ông H cũng xác nhận không còn tình cảm với bà T và đồng ý ly hôn với bà T. Xét thấy, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 (một) con chung, tên là Hồ Ngọc Hoàng Thái, sinh ngày 23/10/2009. Bà T và ông H đều đề nghị giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Trẻ Th có đơn trình bày nguyện vọng muốn sống cùng ông H. Xét thấy việc giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với lợi ích và nguyện vọng của trẻ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao trẻ Hồ Ngọc Hoàng Th cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận việc ông H không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Giang Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, các lời khai, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Ông Hồ Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án giải quyết vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Giang Ngọc T yêu cầu ly hôn với ông Hồ Ngọc H. Do đó, đây là "vụ án ly hôn – mâu thuẫn gia đình" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Hồ Ngọc H cư trú tại địa chỉ 551/34G/17 PVC, Phường G, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Giang Ngọc T và ông Hồ Ngọc H tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 6, Thành Hồ Chí Minh cấp giấy Chứng nhận kết hôn số số 83, quyển số 01/2008 ngày 09/6/2008, do đó đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà bà Giang Ngọc T và ông Hồ Ngọc H là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng từ khi về sống chung với nhau, cuộc sống vợ chồng bà T và ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là vì ông Hồ Ngọc H không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, làm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ngoài ra, từ năm 2019 đến năm 2022 ông H bỏ nhà đi đâu không rõ, không thông báo cho bà T biết, không quan tâm đến cảm xúc và suy nghĩ của bà T. Do vậy, đến tháng 8 năm 2022 bà T đã dọn về nhà mẹ ruột sinh sống, vợ chồng bà T, ông H cũng đã sống ly thân và không ai còn quan tâm đến ai.

Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải, triệu tập xét xử để tạo điều kiện cho bà Thanh và ông H hàn gắn hạnh phúc gia đình, nhưng ông H đều vắng mặt và có bản tự khai trình bày ý kiến xác nhận không còn tình cảm với bà T và đồng ý ly hôn với bà T. Điều này chứng tỏ không còn khả năng hàn gắn hạnh phúc gia đình cho bà T và ông H được nữa.

Qua những phân tích trên cho thấy: Quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông H đã trầm trọng, nên khả năng đoàn tụ không còn và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, trước yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông H, nghĩ nên chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Bà Giang Ngọc T và ông Hồ Ngọc H xác nhận có 01 (một) con chung, tên là Hồ Ngọc Hoàng Th, sinh ngày 23/10/2009. Bà T và ông H xác nhận giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H không yêu cầu bà T cấp nuôi dưỡng con chung.

Xét, từ khi vợ chồng bà T và ông H sống ly thân thì trẻ Th đều do ông H và ông bà nội trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đưa đón trẻ đi học. Ngoài ra, trẻ Thái cũng có đơn trình bày nguyện vọng muốn sống cùng ông H. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho trẻ có đủ điều kiện phát triển về thể chất và tâm sinh lý một cách ổn định, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà Thanh và ông Hiên tiếp tục giao trẻ Thái cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Giang Ngọc T và ông Hồ Ngọc H tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông H xác nhận không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tại phiên tòa là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Giang Ngọc T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Giang Ngọc T được ly hôn với ông Hồ Ngọc H.

- Về con chung: Ghi nhận việc bà Giang Ngọc T và ông Hồ Ngọc H tự thỏa thuận giao con chung Hồ Ngọc Hoàng Thái sinh ngày 23/10/2009 cho ông Hồ Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Ghi nhận việc bà Giang Ngọc T và ông Hồ Ngọc H tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Giang Ngọc T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với ông Hồ Ngọc H.

Bà Giang Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp bà Giang Ngọc T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Hồ Ngọc H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà T.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Giang Ngọc T và ông Hồ Ngọc H xác nhận không có, nên Tòa án không xem xét.

2. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Giang Ngọc T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0012922 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 6, bà Giang Ngọc T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

4. Giấy chứng nhận kết hôn số số 83, quyển số 01/2008 ngày 09/6/2008 do Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày

tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- UBND Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Công Hoa